

KẾ HOẠCH CÔNG KHAI CÁC KHOẢN THU - CHI ĐỊNH MỨC NĂM HỌC 2020 – 2021

Căn cứ công văn số 2772/GDDT-KHCT ngày 31 tháng 8 năm 2020 của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh về hướng dẫn thu, sử dụng học phí và các khoản thu khác năm học 2020 – 2021 của các cơ sở giáo dục và đào tạo công lập trên địa bàn TP.Hồ Chí Minh;

Căn cứ công văn số 2925/GDDT-KHCT ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh về hướng dẫn khung mức thu đối với các khoản thu thỏa thuận cho các đơn vị trực thuộc Sở năm học 2020 – 2021,

Trường Mầm non Trúc Đào xin công khai các khoản thu và kế hoạch chi năm học 2020 - 2021, cụ thể như sau:

STT	NỘI DUNG	HÌNH THỨC	MỨC THU	SỐ THU DỰ KIẾN	ĐỊNH MỨC CHI	GHI CHÚ
1	Học phí	Thu theo tháng	- Mẫu giáo: 160.000đ/hs/tháng - Nhà trẻ: 200.000đ/hs/tháng	$((312 \times 160.000) + (64 \times 200.000) \times 9 \text{ tháng}) = 564.480.000đ$	40% số thu để CCTL: 225.792.000đ - Chi mua sắm, sửa chữa: 160.000.000đ - Chi hoạt động chuyên môn (cắt tỉa cây, bổ sung thay thế cây, đất, phân bón, thực hiện phòng thể chất, trả tiền điện thoại, các phần mềm kế toán, phần mềm tính khẩu phần dinh dưỡng, ...: 135.688.000đ - Chi khấu hao tài sản cố định: 25.000.000đ	

2	Quản lý, phục vụ bán trú	Thu theo tháng	400.000đ/hs/tháng	376 x 400.000 x 9 tháng = 1.353.600.000đ	- Chi phục vụ: 630.134.633đ - Chi hợp đồng ngoài: 450.830.000 - Chi hoạt động, mua sắm sửa chữa nhỏ: 141.509.220đ - Chi cải cách tiền lương: 69.054.147đ - Chi tiền thuế TNDN: 27.072.000đ - Chi khấu hao tài sản cố định: 35.000.000đ	HS bán trú
3	Vệ sinh bán trú	Thu theo tháng	30.000đ/hs/tháng	376 x 30.000 x 9 tháng = 91.530.000đ	- Chi mua dụng cụ vệ sinh hàng tháng: 89.699.400đ - Chi tiền thuế TNDN: 1.830.600đ	HS bán trú
4	Thiết bị, vật dụng bán trú	Thu theo năm học	300.000đ/hs/năm học	376 x 300.000 = 112.800.000đ	- Chi trả tiền mua thiết bị phục vụ bán trú cho trẻ (khăn lau mặt, lau tay, ly, tô, muỗng,...); phương tiện lao động của bếp (xe đẩy thức ăn, nồi, chảo, ...); Cải tạo và trang bị cơ sở vật chất nhà trường (xây bồn rửa tay, máy rửa tay tự động, lót sàn gỗ lớp nhà trẻ, máy đo nhiệt độ,...): 111.672.000đ. - Chi tiền thuế TNDN: 1.128.000đ	HS bán trú
5	Phục vụ ăn sáng	Thu theo tháng	70.000đ/hs/tháng	376 x 70.000 x 9 tháng = 236.880.000đ	- Chi cho CBQL, GV, NV: tối đa 25.000đ/ngày/ người: 193.500.000đ - Chi mua sắm, sửa chữa nhỏ: 19.070.000đ - Chi tiền nước, tiền điện thoại: 11.262.400đ - Chi tiền thuế thu nhập doanh nghiệp: 4.737.600đ - Chi khấu hao tài sản cố định: 8.310.000đ	HS bán trú

6	Anh văn nước ngoài	Thu theo tháng	150.000đ/hs/tháng	79 x 150.000 x 9 tháng = 102.600.000đ	- 90% chi trả trung tâm 92.340.000đ - Chi mua sắm, sửa chữa nhỏ, chi hoạt động: 7.003.000đ - Chi tiền thuế thu nhập doanh nghiệp: 2.052.000đ - Chi khấu hao tài sản cố định: 1.205.000đ	Công ty giáo dục Phạm Nguyên
7	Anh văn Việt Nam	Thu theo tháng	80.000đ/hs/tháng	30 x 80.000 x 9 tháng = 21.600.000đ	- 90% chi trả trung tâm 19.440.000đ - Chi mua sắm, sửa chữa nhỏ, chi hoạt động: 1.228.000đ - Chi tiền thuế thu nhập doanh nghiệp: 432.000đ - Chi khấu hao tài sản cố định: 500.000đ	Công ty giáo dục Phạm Nguyên
8	Vẽ	Thu theo tháng	80.000đ/hs/tháng	97 x 80.000 x 9 tháng = 69.840.000đ	- 90% chi trả trung tâm 62.856.000đ - Chi mua sắm, sửa chữa nhỏ, chi hoạt động: 4.607.2000đ - Chi tiền thuế thu nhập doanh nghiệp: 1.396.800đ - Chi khấu hao tài sản cố định: 980.000đ	Công ty giáo dục Phạm Nguyên
9	Nhập điệu	Thu theo tháng	80.000đ/hs/tháng	91 x 80.000 x 9 tháng = 65.520.000đ	- 90% chi trả trung tâm 58.968.000đ - Chi mua sắm, sửa chữa nhỏ, chi hoạt động: 3.891.600đ - Chi tiền thuế thu nhập doanh nghiệp: 1.310.400đ - Chi khấu hao tài sản cố định: 1.350.000đ	Công ty giáo dục Phạm Nguyên
10	Kỹ năng sống	Thu theo tháng	80.000đ/hs/tháng	76 x 80.000 x 9 tháng = 54.720.000đ	- 90% chi trả trung tâm 49.248.000đ - Chi mua sắm, sửa chữa nhỏ, chi hoạt động: 3.487.600đ - Chi tiền thuế thu nhập doanh nghiệp: 1.094.400đ	Công ty CP đầu tư Giáo dục và Đào tạo Quốc tế Rông Việt

						- Chi khấu hao tài sản cố định: 890.000đ	
11	Tiền ăn sáng	Theo ngày	10.000đ/ngày/hs	Thu theo số ngày thực tế phát sinh trong tháng	Chi trả tiền ăn, tiền sữa cho trẻ	HS bán trú	
12	Tiền ăn trưa – xế	Theo ngày	30.000đ/ngày/hs	Thu theo số ngày thực tế phát sinh trong tháng	Chi trả tiền ăn cho trẻ và tiền gas	HS bán trú	
13	Nước uống	Thu theo tháng	20.000đ/hs/tháng	$376 \times 20.000 \times 9 \text{ tháng} = 67.680.000đ$	Chi trả tiền nước uống học sinh	Nước I-on Life	
14	Học phẩm	Thu theo năm học	- Nhà trẻ: 100.000đ/bé/năm - Mẫu giáo: 150.000đ/bé/năm	$(64 \times 100.000) + (312 \times 150.000) = 53.200.000đ$	100% chi trả tiền mua học phẩm cho học sinh		
15	Bảo hiểm tai nạn	Thu theo năm học	45.000đ/hs/năm học	$376 \times 45.000 = 16.920.000đ$	100% chi trả cho công ty bảo hiểm tai nạn		

Người lập bảng



Lê Bảo Thúy

Bình Tân, ngày 21 tháng 09 năm 2020

Hiệu trưởng



Bình Tân, ngày 21 tháng 9 năm 2020

**CÔNG KHAI THU - CHI TIỀN ĐẦU NĂM HỌC 2020 - 2021
VÀ 2 NĂM TIẾP THEO NĂM HỌC 2021 - 2022, NĂM HỌC 2022 - 2023**

A-NỘI DUNG THU

I/ Nhà trẻ :	Năm học 2020-2021	DỰ KIẾN Năm học 2021-2022	DỰ KIẾN Năm học 2022-2023
1/ Học phí	200.000 đồng/trẻ/tháng	200.000 đồng/trẻ/tháng	200.000 đồng/trẻ/tháng
2/ Tổ chức PV bán trú	400.000 đồng/trẻ/tháng	400.000 đồng/trẻ/tháng	400.000 đồng/trẻ/tháng
3/ Thiết bị VDPV bán trú (Thu mỗi học kỳ: 150.000 đ)	300.000 đồng/trẻ/năm	300.000 đồng/trẻ/năm	300.000 đồng/trẻ/năm
4/ Vệ sinh phí bán trú	30.000 đồng/trẻ/tháng	30.000 đồng/trẻ/tháng	30.000 đồng/trẻ/tháng
5/ Ăn trưa + ăn xế (tính số ngày học thực tế)	30.000 đồng/trẻ/ngày	30.000 đồng/trẻ/ngày	30.000 đồng/trẻ/ngày
6/ Ăn sáng (tính số ngày học thực tế)	10.000 đồng/trẻ/ngày	10.000 đồng/trẻ/ngày	10.000 đồng/trẻ/ngày
7/ Phục vụ ăn sáng	70.000 đồng/trẻ/tháng	70.000 đồng/trẻ/tháng	70.000 đồng/trẻ/tháng
8/ Học phẩm	100.000 đồng/trẻ/năm	100.000 đồng/trẻ/năm	100.000 đồng/trẻ/năm
9/ Nước uống	20.000 đồng/trẻ/tháng	20.000 đồng/trẻ/tháng	20.000 đồng/trẻ/tháng
10/ Bảo hiểm tai nạn học sinh	45.000 đồng/trẻ/năm	45.000 đồng/trẻ/năm	45.000 đồng/trẻ/năm
II/ Mẫu giáo :			
1/ Học phí	160.000 đồng/trẻ/tháng	160.000 đồng/trẻ/tháng	160.000 đồng/trẻ/tháng
2/ Tổ chức PV bán trú	400.000 đồng/trẻ/tháng	400.000 đồng/trẻ/tháng	400.000 đồng/trẻ/tháng
3/ Thiết bị VDPV bán trú (Thu mỗi học kỳ: 150.000 đồng)	300.000 đồng/trẻ/năm	300.000 đồng/trẻ/năm	300.000 đồng/trẻ/năm
4/ Vệ sinh phí bán trú	30.000 đồng/trẻ/tháng	30.000 đồng/trẻ/tháng	30.000 đồng/trẻ/tháng
5/ Ăn trưa + ăn xế (tính số ngày học thực tế)	30.000 đồng/trẻ/ngày	30.000 đồng/trẻ/ngày	30.000 đồng/trẻ/ngày
6/ Ăn sáng (tính số ngày học thực tế)	10.000 đồng/trẻ/ngày	10.000 đồng/trẻ/ngày	10.000 đồng/trẻ/ngày



7/ Phục vụ ăn sáng		70.000 đồng/trẻ/tháng	70.000 đồng/trẻ/tháng	70.000 đồng/trẻ/tháng
8/ Học phẩm		150.000 đồng/trẻ/năm	150.000 đồng/trẻ/năm	150.000 đồng/trẻ/năm
9/ Nước uống		20.000 đồng/trẻ/tháng	20.000 đồng/trẻ/tháng	20.000 đồng/trẻ/tháng
10/ Bảo hiểm tai nạn học sinh		45.000 đồng/trẻ/năm	45.000 đồng/trẻ/năm	45.000 đồng/trẻ/năm
III/ Thu khác theo đăng ký của phụ huynh cho bé học gồm:				
- Nhíp điệu		80.000 đồng/trẻ/tháng	80.000 đồng/trẻ/tháng	80.000 đồng/trẻ/tháng
- Anh văn Việt Nam		80.000 đồng/trẻ/tháng	80.000 đồng/trẻ/tháng	80.000 đồng/trẻ/tháng
- Anh văn Nước ngoài		150.000 đồng/trẻ/tháng	150.000 đồng/trẻ/tháng	150.000 đồng/trẻ/tháng
- Vẽ		80.000 đồng/trẻ/tháng	80.000 đồng/trẻ/tháng	80.000 đồng/trẻ/tháng
- Kỹ năng sống		80.000 đồng/trẻ/tháng	80.000 đồng/trẻ/tháng	80.000 đồng/trẻ/tháng

B- NỘI DUNG CHI

1/ Học phí :

Trích 40% cải cách tiền lương, chi trả lương cho giáo viên và nhân viên hợp đồng ngoài, chi trả tiền điện, nước, điện thoại, văn phòng phẩm, sửa chữa mua sắm cơ sở vật chất và trích các quỹ theo quy định...

2/ Tổ chức phục vụ bán trú

Chi hoạt động phục vụ công tác bán trú, chi hỗ trợ công tác bán trú cho CB.GV.CNV, chi trả lương cho giáo viên và nhân viên hợp đồng ngoài, chi trả tiền điện, nước, điện thoại, văn phòng phẩm, sửa chữa mua sắm cơ sở vật chất, nộp thuế thu nhập doanh nghiệp, trích khấu hao tài sản, trích cải cách tiền lương và trích các quỹ theo quy định...

3/ Thiết bị vật dụng bán trú

Mua sắm trang thiết bị phục vụ bán trú (Chén, tô, ca, đĩa, dũa, khăn mặt...) nộp thuế thu nhập doanh nghiệp, trích các quỹ theo quy định...

4/ Vệ sinh phí

Mua vật dụng vệ sinh (giấy, thuốc tẩy, xà phòng, dụng cụ vệ sinh....)

5/ Ăn sáng- ăn trưa

Mua thực phẩm nấu cho bé (ăn sáng, trưa, xế)

6/ Học phẩm

Mua dụng cụ học tập (Bút chì, bút màu, đất nặn, các loại tập, bìa nhựa, sổ bé ngoan, đồ chơi, ...)

7/ Nước uống

Mua nước uống cho bé (Ionlife)

8/ Bảo hiểm tai nạn

Mua bảo hiểm tai nạn cho bé

9/ Phục vụ ăn sáng

Chi hoạt động công tác phục vụ ăn sáng, chi hỗ trợ công tác phục vụ ăn sáng cho CB, GV, CNV. Chi trả lương cho giáo viên và nhân viên hợp đồng ngoài, chi trả tiền điện, nước, điện thoại, văn phòng phẩm, sửa chữa mua sắm cơ sở vật chất, nộp thuế thu nhập doanh nghiệp, trích cải cách tiền lương và trích các quỹ theo quy định...

10/ Thu từ dạy các môn năng khiếu, kỹ năng sống

Chi trả giáo viên dạy trẻ các môn năng khiếu theo hợp đồng đã ký kết, chi hoạt động của trường. Chi trả tiền điện, nước, điện thoại, văn phòng phẩm, sửa chữa mua sắm cơ sở vật chất, trích khấu hao tài sản, trích các cách tiền lương và trích các quỹ theo quy định...



